

Số: 403/BC-UBND

Đức Cơ, ngày 09 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Kinh phí giải quyết chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Triển khai thực hiện Công văn số 182/SNV-XDCQ ngày 14/2/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 117/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 122/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh.

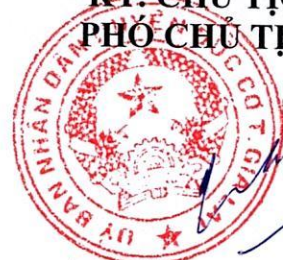
Qua kiểm tra, rà soát Ủy ban nhân dân huyện báo cáo số lượng, kinh phí giải quyết chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đối dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh (Cụ thể có biểu mẫu kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo để Sở Nội vụ biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, suennv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh
đối với những người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia

công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Báo cáo số: 403/BC-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cờ)

STT	Chức danh	Tổng số người được hưởng chính sách	Mức lương cơ sở (ĐVT nghìn đồng)	Hệ số phụ cấp hoặc hỗ trợ	Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ						Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT nghìn đồng)
					Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	Đủ 30 tháng	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
I	Xã Ia Krêl	8			3	0	0	0	0	5	18.765
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố										
1	Trưởng thôn	1	1.390.000	0,75						1	4.170
2	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75						1	4.170
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố										
1	Phó Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,50						1	2.780
2	Phó Trưởng thôn	3	1.390.000	0,50	3						2.085
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	2	1.390.000	0,50						2	5.560
II	Xã Ia Kriêng	5			1	0	0	0	1	0	17.201
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố										
1	Bí thư Chi bộ	2	1.390.000	0,75	1					1	5.212
2	Trưởng thôn	2	1.390.000	0,75					1	1	7.819
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75						1	4.170

Đinh

STT	Chức danh	Tổng số người được hưởng chính sách	Mức lương cơ sở (ĐVT nghìn đồng)	Hệ số phụ cấp hoặc hỗ trợ	Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ							Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT nghìn đồng)
					Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	Đủ 30 tháng	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	Trên 54 tháng	
III	Xã Ia Kla	17			3	0	0	0	0	0	14	56.990
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Bí thư Chi bộ	2	1.390.000	0,75							2	8.340
2	Trưởng thôn	8	1.390.000	0,75	1						7	30.232
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	3	1.390.000	0,75	1						2	9.383
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Phó Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,50	1							0.695
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	3	1.390.000	0,50							3	8.340
IV	Xã Ia Nan	5			0	0	1	0	0	0	4	16.506
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,75							1	4.170
2	Trưởng thôn	1	1.390.000	0,75			1					2.606
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75							1	4.170
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	2	1.390.000	0,50							2	5.560
V	Xã Ia Din	22			9	1	0	1	0	0	11	53.863
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Bí thư Chi bộ	4	1.390.000	0,75	1						3	13.552
2	Trưởng thôn	6	1.390.000	0,75	5						1	9.383
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	5	1.390.000	0,75		1		1			3	17.723
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Phó Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,50	1							0.695

Đinh

STT	Chức danh	Tổng số người được hưởng chính sách	Mức lương cơ sở (ĐVT nghìn đồng)	Hệ số phụ cấp hoặc hỗ trợ	Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ							Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT nghìn đồng)
					Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	Đủ 30 tháng	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	Trên 54 tháng	
2	Phó Trưởng thôn	3	1.390.000	0,50	2						1	4.170
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	3	1.390.000	0,50							3	8.340
VI	Xã Ia Lang	2			1	0	0	0	0	0	1	4.865
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75							1	4.170
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,50	1							0.695
VII	Xã thị trấn Chư Ty	6			3	0	0	0	0	0	3	13.900
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,75							1	4.170
2	Tổ trưởng tổ dân phố	2	1.390.000	0,75	1						1	5.213
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75	1							1.042
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	2	1.390.000	0,50	1						1	3.475
VIII	Xã Ia Dom	3			0	0	0	0	0	0	3	9.730
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,75							1	4.170
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Phó Trưởng thôn	1	1.390.000	0,50							1	2.780

Chữ ký

STT	Chức danh	Tổng số người được hưởng chính sách	Mức lương cơ sở (ĐVT nghìn đồng)	Hệ số phụ cấp hoặc hỗ trợ	Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ							Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT nghìn đồng)
					Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	Đủ 30 tháng	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	Trên 54 tháng	
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,50							1	2.780
IX	Xã Ia Dok	9			1	0	0	1	0	0	7	29.190
A	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố											
1	Bí thư Chi bộ	1	1.390.000	0,75							1	4.170
2	Trưởng thôn	1	1.390.000	0,75							1	4.170
3	Công an viên ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	3	1.390.000	0,75							3	12.510
B	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố											
1	Phó Trưởng thôn	3	1.390.000	0,50	1			1			1	5.560
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố	1	1.390.000	0,50							1	2.780
	Tổng cộng	77	0	0	21	1	1	2	1	0	51	221.010

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ

Handwritten signature